

Bản án số: 55/2019/HS-PT
Ngày: 13-3-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Ngọc Thạch;

Các Thẩm phán: Ông Trương Văn Lộc;

Ông Nguyễn Huỳnh Đức.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Dung - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 07 và 13 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương mở phiên tòa phúc thẩm công khai xét xử vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 14/2019/TLPT-HS ngày 04 tháng 01 năm 2019 đối với bị cáo Huỳnh Văn S. Do có kháng cáo của bị cáo Huỳnh Văn S và người đại diện hợp pháp của bị hại Lại Văn B là Bà Nguyễn Thị T đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 75/2018/HS-ST ngày 27/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Dương.

Bị cáo kháng cáo: Huỳnh Văn S, sinh năm 1985 tại tỉnh Bình Dương. Hộ khẩu thường trú: Ấp B, xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Làm rẫy; trình độ học vấn: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn T, sinh năm 1955 và bà Huỳnh Thị L, sinh năm 1963; bị cáo có vợ tên Lê Thị H, sinh năm 1986 (đã ly hôn) và có 02 người con sinh năm 2005 và 2011; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 19/7/2018 cho đến nay; có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Thái Thanh H là Luật sư của Văn phòng Luật sư T, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bình Dương; có mặt.

Người đại diện hợp pháp của bị hại Lại Văn B kháng cáo: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1971 (vợ của bị hại). Hộ khẩu thường trú: Ấp B, xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương; có mặt.

Trong vụ án còn có 03 người đại diện hợp pháp của bị hại Lại Văn B không kháng cáo, không bị kháng nghị nên Tòa án không triệu tập tham gia phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Huỳnh Văn Sắc và ông Lại Văn B là hàng xóm của nhau. Do bức tức về việc S nối đường dây điện sinh hoạt đi ngang qua phần đất của ông B nên khoảng 16 giờ 30 phút ngày 22/4/2018, ông B đứng trên đường bê tông, trước cổng nhà của S chửi S. Thấy vậy, S đi đến gần ông B và có lời lẽ thách thức ông B đánh S nên ông B dùng tay đấm vào mặt S, làm S ngã xuống đường. S đứng dậy, dùng tay đấm vào vùng ngực, mặt của ông B làm ông B bị gãy 02 cái răng hàm trên; S tiếp tục ôm vật ông B ngã xuống đường, S nằm đè lên người ông B, chân trái của S đè lên chân trái của ông B. Lúc này, ông Phạm Văn Q chạy đến can ngăn, đưa S về nhà rồi ông Q quay lại đỡ ông B đứng dậy nhưng ông B nói để ông nằm nghỉ một lát. Sau đó, ông B tự đứng dậy đi về nhà. Ông B tiếp tục cầm một cục đá tổ ong đi đến gần nhà S chửi S và được ông Lại Quốc C là con của ông B can ngăn, đưa ông B về nhà. Ông B về nhà tắm rửa rồi lên giường ngủ. Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 23/4/2018, ông C qua nhà gọi ông B nhưng không thấy ông B tỉnh dậy nên đưa ông B đi cấp cứu tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bình Dương đến ngày 30/4/2018, ông B tử vong.

Tại Kết luận giám định pháp y số 319/GĐPY ngày 22/5/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương kết luận: Nguyên nhân chết của nạn nhân Lại Văn B do chấn thương sọ não (xuất huyết não, dập não). Cơ chế hình thành vết thương do đầu nạn nhân (vùng thái dương, chẩm phải) va đập vào mặt phẳng cứng, có bề mặt thô nhám (mặt đường nhựa, mặt bê tông ...) gây chấn thương sọ não (xuất huyết não, dập não dẫn đến tử vong)

Về trách nhiệm dân sự: Người đại diện hợp pháp của bị hại Lại Văn B là bà Nguyễn Thị T, ông Lại Quốc C và bà Lại Thị Tuyết N yêu cầu Huỳnh Văn S bồi thường thiệt hại về sức khỏe, tính mạng và tinh thần tổng số tiền 77.734.000 đồng (bao gồm các khoản: Tiền thuê xe chở ông B tới Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bình Dương 600.000 đồng; tiền thuốc chữa trị tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bình Dương 588.000 đồng; tiền thuê xe chở đi và về Bệnh viện Chợ Rẫy 6.000.000 đồng; tiền thuốc tại Bệnh viện Chợ Rẫy 2.434.000 đồng; tiền mai táng 47.000.000 đồng và tiền bồi thường thiệt hại về tinh thần 21.112.000 đồng). Bị cáo S đồng ý bồi thường theo yêu cầu của đại diện bị hại.

Ông Lại Văn B (cha của bị hại B) không yêu cầu bị cáo S bồi thường.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 75/2018/HS-ST ngày 27/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

1. Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo Huỳnh Văn S phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 134; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt: Bị cáo Huỳnh Văn S 08 (tám) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày 19/7/2018.

2. Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng Điều 584, 585, 590, 591 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Buộc bị cáo Huỳnh Văn S bồi thường cho người đại diện hợp pháp của bị hại Lại Văn B là bà Nguyễn Thị T, ông Lại Quốc C và bà Lại Thị Tuyết N tổng số tiền 77.734.000 đồng (bảy mươi bảy triệu bảy trăm ba mươi bốn ngàn đồng), bao gồm các khoản: Tiền thuê xe chở bị hại B đến Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bình Dương 600.000 đồng; tiền thuốc chữa trị tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bình Dương 588.000 đồng; tiền thuê xe chở đi và về Bệnh viện Chợ Rẫy 6.000.000 đồng; tiền thuốc tại Bệnh viện Chợ Rẫy 2.434.000 đồng; tiền mai táng 47.000.000 đồng và tiền bồi thường tổn thất về tinh thần 21.112.000 đồng.

Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 07/12/2018, bị cáo Huỳnh Văn S làm đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và giảm số tiền bồi thường thiệt hại.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo thay đổi yêu cầu kháng cáo với nội dung: Kháng cáo kêu oan.

Ngày 11/12/2018, người đại diện hợp pháp của bị hại Lại Văn B là bà Nguyễn Thị T làm đơn kháng cáo yêu cầu tăng mức hình phạt đối với bị cáo S và tăng tiền bồi thường tổn thất về tinh thần từ 21.112.000 đồng lên 139.000.000 đồng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa trình bày quan điểm giải quyết vụ án: Xác định tội danh, điều luật mà Tòa án cấp sơ thẩm xét xử và áp dụng đối với bị cáo Huỳnh Văn S là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo thay đổi yêu cầu kháng cáo với nội dung kháng cáo kêu oan. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo khai, bị cáo vật bị hại ngã xuống đường, đầu của bị hại va vào đường, bị cáo tiếp tục ngồi lên người bị hại, chân của bị cáo kẹp chân của bị hại, tay của bị cáo đâm vào người và mặt của bị hại. Lời khai của bị cáo hoàn toàn phù hợp với cơ chế hình thành vết thương tại kết luận giám định nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo kêu oan của bị cáo. Người đại diện hợp pháp của bị hại kháng cáo yêu cầu tăng mức hình phạt đối với bị cáo nhưng không đưa ra được tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo nên không có căn cứ chấp nhận. Đối với kháng cáo yêu cầu tăng mức bồi thường tổn thất về tinh thần của người đại diện hợp pháp của bị hại. Xét thấy, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của bị hại chỉ yêu cầu bị cáo bồi thường 77.734.000 đồng và bị cáo tự nguyện bồi thường số tiền này nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của người đại diện hợp pháp của bị hại.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày nội dung bào chữa: Hồ sơ vụ án chưa đủ cơ sở xác định bị cáo phạm tội cố ý gây thương tích theo khoản 4 điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, cụ thể: Trong

hồ sơ không có chứng cứ chứng minh bị cáo đánh gãy răng bị hại và bị cáo ôm vật ngã bị hại làm bị hại bị chấn thương ở phần thái dương, chấn thương sọ não như kết luận giám định nêu. Kết luận điều tra và cáo trạng mô tả cơ chế hình thành vết thương mâu thuẫn với nhau nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại nhận định theo cáo trạng là chưa chính xác. Lời khai của người làm chứng ông Q thể hiện: Khi ông Q lại can ngăn thì ông Q đưa S về nhà trước rồi quay lại đưa ông B về nhưng thấy ông B tự đứng dậy, sau đó ông B té xuống đường, đầu phía bên phải đập xuống đường bê tông, phù hợp với vết thương của bị hại. Như vậy, vết thương của bị hại là do bị hại tự té xuống đường nên đập đầu xuống đường bê tông dẫn đến bị chấn thương sọ não chứ không phải nguyên nhân là do bị cáo đánh bị hại. Lời khai của người làm chứng bà L thể hiện: Bà L nhìn thấy ông B té ngã xuống mương nước, hai chân dơ lên rồi lăn xuống mương nước. Như vậy, lời khai của ông Q và bà L mâu thuẫn về tư thế té của bị hại nhưng chưa được làm rõ. Kết luận giám định xác định nguyên nhân chết của bị hại là do chấn thương sọ não nhưng hộp sọ lại nguyên vẹn là không phù hợp. Hồ sơ không có giấy tờ chứng minh cha, mẹ, vợ, con, của bị hại là ai. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo kêu oan của bị cáo, hủy án sơ thẩm.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương đối đáp lại quan điểm của người bào chữa cho bị cáo: Người bào chữa cho rằng, kết luận điều tra và cáo trạng mô tả cơ chế hình thành vết thương mâu thuẫn với nhau nhưng chưa được làm rõ. Tuy nhiên, kết luận điều tra và cáo trạng không phải là căn cứ để xác định nguyên nhân chết của bị hại mà chỉ có kết luận giám định mới là căn cứ pháp lý. Bị cáo khai tại biên bản phiên tòa sơ thẩm: Khi đánh nhau chỉ có bị cáo và bị hại; bị cáo vật bị hại ngã xuống đường trước, đầu của bị hại va vào đường. Người làm chứng ông Q cũng khai: Bị cáo và bị hại ôm nhau, vật nhau ngã xuống đường bê tông, bị hại nằm nghiêng đầu hướng vào hàng rào, mặt hướng ra đường ĐT 741 (bút lục số 98). Lời khai của bị cáo và ông Q là phù hợp với cơ chế hình thành vết thương của bị hại (đầu của nạn nhân va đập vào mặt phẳng cứng, có bề mặt thô nhám gây chấn thương sọ não); còn lời khai của bà L: Bị hại té xuống mương nước là không phù hợp với kết luận giám định. Về quan hệ thân thân của bị hại, trong hồ sơ đã có sổ hộ khẩu của gia đình bị hại.

Bị cáo Huỳnh Văn S nói lời sau cùng: Bị cáo kêu oan, bị cáo có đánh bị hại nhưng không đến mức làm cho bị hại chết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo Huỳnh Văn S và người đại diện hợp pháp của bị hại Lại Văn B là bà Nguyễn Thị T được thực hiện trong thời hạn luật định nên đủ điều kiện để Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo khai:

Bị cáo có vật bị hại té ngã xuống đường bê tông nhưng không đến mức làm cho bị hại chết, bị cáo không biết đầu của bị hại có va đập vào đường hay không và bị cáo không đánh gãy răng của bị hại. Lời khai của này bị cáo không phù hợp với lời khai của bị cáo tại biên bản phiên tòa sơ thẩm: Bị cáo vật bị hại té ngã xuống đường trước, sau đó bị cáo ngồi đè lên người bị hại, chân bị cáo kẹp chân bị hại, tay bị cáo đâm vào người bị hại ... bị hại té phía bên trái, đầu bị hại va vào đường” (bút lục số 190, 192); không phù hợp với lời khai của người làm chứng ông Q tại bút lục số 96, 98: “B, S ôm nhau té xuống đường bê tông bằng phẳng, hướng té của ông B nằm nghiêng đầu hướng vào hàng rào, mặt hướng ra đường ĐT 741”; đồng thời, không phù hợp với cơ chế hình thành vết thương của bị hại “đầu nạn nhân va đập vào mặt phẳng cứng, có bề mặt thô nhám (mặt đường nhựa, mặt bê tông...) gây chấn thương sọ. Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo cũng không có ý kiến gì về tội danh mà đại diện Viện Kiểm sát đề nghị. Như vậy, lời khai của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm và quan điểm của người bào chữa cho bị cáo là không phù hợp.

Người bào chữa cho bị cáo cho rằng: Người làm chứng ông Q nhìn thấy bị hại tự đứng dậy đi về rồi té ngã xuống đường, đầu phía bên phải đập xuống đường bê tông (bút lục số 99) nên nguyên nhân dẫn đến bị hại bị chấn thương sọ não là do bị hại tự té đập đầu xuống đường chứ không phải do bị cáo đánh bị hại. Tuy nhiên, theo lời khai của ông Q tại bút lục số 97 và 99 thể hiện: “Khi ông B đang khom người đứng dậy thì ông B đứng không nổi nên từ từ ngã khụy xuống đường, phần mông ông B tiếp xúc xuống đường bê tông trước rồi từ từ ngã nghiêng người qua bên phải; phía đầu, người phía bên phải của ông B tiếp giáp với đường bê tông”. Như vậy, mặc dù ông B có tự ngã xuống đường bê tông nhưng tư thế ngã của ông B không phải đột ngột, bất ngờ; đầu của ông B không đập xuống đường bê tông như người bào chữa trình bày. Với tư thế ngã như thế này sẽ không làm cho bị hại bị chấn thương sọ não dẫn đến chết người như người bào chữa trình bày.

Như vậy, toàn bộ lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm hoàn toàn phù hợp với lời khai của người làm chứng Q, phù hợp với diễn biến hành vi khách quan của bị cáo, phù hợp với cơ chế hình thành vết thương của bị hại. Do đó, lời khai của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm là không có căn cứ.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Xuất phát từ mâu thuẫn nhỏ nhất trong đời sống hàng ngày nên khoảng 16 giờ 30 phút ngày 22/4/2018, bị cáo S đã có hành vi dùng tay đâm vào vùng ngực, mặt của bị hại B và ôm vật bị hại B ngã xuống đường bê tông làm cho đầu của bị hại đập vào đường dẫn đến bị hại bị chấn thương sọ não và tử vong. Hành vi của bị cáo S thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[3] Hành vi của bị cáo S là nghiêm trọng và nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến tính mạng của bị hại B được pháp luật bảo vệ và gây mất an

ninh, trật tự tại địa phương. Về nhận thức, bị cáo S biết rõ hành vi đánh bị hại B ngã xuống đường bê tông là hành vi trái pháp luật, có khả năng tước đoạt mạng sống của bị hại nhưng bị cáo vẫn thực hiện, bất chấp hậu quả xảy ra, thể hiện ý thức xem thường pháp luật. Bị cáo có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình theo quy định của pháp luật.

Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo S về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm a khoản 4 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Xét kháng cáo của bị cáo Huỳnh Văn S. Hội đồng xét xử xét thấy:

Bị cáo S kháng cáo kêu oan nhưng tại phiên tòa Tòa án cấp phúc thẩm, bị cáo không đưa ra được chứng cứ chứng minh hành vi của bị cáo gây thương tích cho bị hại không đến mức làm cho bị hại chết nên kháng cáo kêu oan của bị cáo là không có cơ sở chấp nhận.

[5] Xét kháng cáo của người đại diện hợp pháp của bị hại Lại Văn B là bà Nguyễn Thị T. Hội đồng xét xử xét thấy:

Bà T kháng cáo yêu cầu tăng mức hình phạt đối với bị cáo S nhưng bà T không cung cấp thêm được tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo S. Mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử đối với bị cáo là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và phù hợp với các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo. Do đó, kháng cáo của bà T yêu cầu tăng mức hình phạt đối với bị cáo là không có cơ sở chấp nhận.

Bà T kháng cáo yêu cầu tăng tiền bồi thường tổn thất về tinh thần từ 21.112.000 đồng lên 139.000.000 đồng (tăng 117.888.000 đồng). Xét thấy, trong quá trình điều tra và tại Tòa án cấp sơ thẩm, bà T chỉ yêu cầu bị cáo bồi thường tổn thất về tinh thần với số tiền 21.112.000 đồng và bị cáo đồng ý bồi thường số tiền này. Sau khi xét xử sơ thẩm, bà T kháng cáo yêu cầu tăng số tiền bồi thường tổn thất về tinh thần 117.888.000 đồng là vượt quá yêu cầu bồi thường ban đầu nên không đảm bảo quyền kháng cáo của bị cáo và Tòa án cấp sơ thẩm cũng chưa xem xét, giải quyết đối với số tiền này. Do đó, không có căn cứ để Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết yêu cầu kháng cáo tăng tiền bồi thường tổn thất về tinh thần của bà T.

[6] Cơ quan tố tụng cấp sơ thẩm chưa thu thập chứng cứ để chứng minh cha, mẹ, vợ, con của bị hại Lại Văn B là ai. Tuy nhiên, tại tòa án cấp phúc thẩm (trong thời gian nghị án kéo dài), gia đình bị hại đã cung cấp đầy đủ giấy tờ chứng minh bị hại B có cha, mẹ là ông Lại Văn B và bà Phạm Thị M (chết năm 2014); vợ là bà Nguyễn Thị T và con là Lại Quốc C, Lại Thị Tuyết N. Đồng thời, Tòa án cấp sơ thẩm cũng đã đưa đầy đủ những người này vào tham gia tố tụng trong vụ án nên quyền lợi của họ không bị ảnh hưởng.

[7] Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và người đại diện hợp pháp của bị hại, giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp.

[8] Người bào chữa cho bị cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm để điều tra, xác định lại tội danh của bị cáo không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[9] Các phần khác của quyết định án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[10] Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo S phải nộp do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận.

[11] Án phí dân sự phúc thẩm: Người đại diện hợp pháp của bị hại Lại Văn B là bà Nguyễn Thị T được miễn nộp tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015,

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Huỳnh Văn S và người đại diện hợp pháp của bị hại Lại Văn B là bà Nguyễn Thị T. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 75/2018/HS-ST ngày 27/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Dương.

* Về tội danh:

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 134; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017,

Xử phạt: Bị cáo Huỳnh Văn S 08 (tám) năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 19/7/2018.

* Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng các Điều 584, 585, 590, 591 của Bộ luật Dân sự năm 2015,

Bị cáo Huỳnh Văn S có trách nhiệm bồi thường cho người đại diện hợp pháp của bị hại Lại Văn B là bà Nguyễn Thị T, ông Lại Quốc C và bà Lại Thị Tuyết N tổng số tiền thiệt hại về sức khỏe, tinh mạng và tinh thần là 77.734.000 đồng (bảy mươi bảy triệu bảy trăm ba mươi bốn ngàn đồng), bao gồm các khoản: Tiền thuê xe chở ông B đến Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bình Dương 600.000 đồng; tiền thuốc chữa trị tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bình Dương 588.000 đồng; tiền thuê xe chở đi và về Bệnh viện Chợ Rẫy 6.000.000 đồng; tiền thuốc tại Bệnh viện Chợ Rẫy 2.434.000 đồng; tiền mai táng 47.000.000 đồng và tiền bù đắp tổn thất về tinh thần 21.112.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền phải thi hành thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự

nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

2. Án phí hình sự phúc thẩm: Áp dụng Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Huỳnh Văn S phải nộp số tiền 200.000 (hai trăm ngàn) đồng.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Áp dụng các Điều 12, 23 và Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Người đại diện hợp pháp của bị hại Lại Văn B là bà Nguyễn Thị T được miễn nộp tiền án phí dân sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương; 1
- TAND huyện P; 2
- VKSND huyện P; 1
- Chi cục THADS huyện P; 1
- Phòng PV06 - Công an tỉnh BD; 1
- Công an huyện P; 1
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương; 1
- Trại Tạm giam – Công an tỉnh BD; 1
- Bị cáo; 1
- Tổ Hành chính Tư pháp; 2
- Lưu: HSPA, Tòa HS. 2

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Bùi Ngọc Thạch

THẨM PHÁN THÀNH VIÊN

THẨM PHÁN CHỦ TỌA

Bùi Ngọc Thạch

